

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Những năm qua, Tỉnh đã quan tâm tổ chức thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có chuyển biến tích cực, gắn kết chặt chẽ với sản xuất và đời sống, kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đơn vị tiếp nhận, ứng dụng vào thực tiễn góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như phục vụ công tác quản lý các ngành, lĩnh vực; công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ngày càng đi vào nền nếp, góp phần ngăn chặn các làn sóng công nghệ lạc hậu vào Tỉnh; công tác quản lý nhà nước, triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ tài sản trí tuệ, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân ngày càng đầy mạnh, phát huy hiệu quả.

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế: tỷ trọng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế GRDP của Tỉnh luôn cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước, giai đoạn 2011 - 2022 trung bình năng suất các nhân tố tổng hợp đạt 4,42%/năm và mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 53,8%. Mức đóng góp nguồn kinh phí từ xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ ước giai đoạn 2021 - 2024 đạt khoảng 30%. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 7,5 người trên một vạn dân.

Công tác chuyển đổi số có sự quan tâm, đạt nhiều kết quả tích cực. Hạ tầng số được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu, các nền tảng số, các hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các sở, ngành và địa phương, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng. Quy mô kinh tế số tỉnh An Giang năm 2023 chiếm 5,28% GRDP, năm 2024 chiếm 5,99% GRDP.

Bên cạnh những kết quả tích cực, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn còn những bất cập, hạn chế, cụ thể: tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Tỉnh còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá; cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ chưa hỗ trợ được nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại còn hạn chế, chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ; chuyển đổi số, cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới; hiện tại Tỉnh chưa tạo được môi trường làm việc đủ sức hấp dẫn để thu hút những người có tài năng, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành về công hiến cho tỉnh.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, những bất cập, hạn chế nêu trên do: nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, ngành trong tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung; nguồn lực của Tỉnh đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt là ở các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chưa được quan tâm đúng mức.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỉnh An Giang phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong đó, tập trung phát triển mạnh vào các ngành, lĩnh vực trọng tâm như: công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực của Tỉnh, được liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI.

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia chủ động, tích cực của nhà khoa học, doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

- Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu

2.1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm các địa phương ở mức khá; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước; về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu.

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tối thiểu 55%. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 30 cả nước. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của Tỉnh.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người An Giang duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) trên 0,7.

- Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng số tiên tiến, hiện đại; từng bước triển khai ứng dụng thành công một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới nổi; đạt tỷ lệ 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s. Phủ sóng 5G toàn tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện và đạt tối thiểu 01 đô thị.

- Thực hiện quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt trên toàn bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức trung bình cao trong các tỉnh. An Giang thuộc trong các tỉnh đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa An Giang trở thành tỉnh có thu nhập cao hơn so với bình quân chung của cả nước. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 20 cả nước. Có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP; thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh, thành trong vùng; tăng dần số doanh nghiệp công nghệ số. Nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục tỉnh An Giang nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về mặt chất lượng, ứng dụng tiện ích số và thương hiệu mạnh. Đóng góp nguồn kinh phí từ xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ đạt mức tối thiểu 60% trên tổng nguồn chi.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học - kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Quán triệt tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời và thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách của địa phương về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đổi mới phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí, chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Đẩy mạnh việc hỗ trợ thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao hoạt động hiệu quả. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học. Hỗ trợ và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước theo quy định hiện hành.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Tỉnh. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực có lợi thế như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghệ chế biến, bảo quản, du lịch thông minh và các lĩnh vực khác như công nghệ sinh học, khám, chữa bệnh, tự động hóa trong sản xuất, quản lý tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số trong quản lý hành chính công và doanh nghiệp.

- Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm tập trung cho công nghệ chiến lược. Ưu tiên đầu tư, mở rộng các phòng thí nghiệm trọng điểm đáp ứng yêu cầu hỗ trợ các nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực phân tích, kiểm nghiệm và đo lường chất lượng các sản phẩm nông sản, dược liệu,... phục vụ công tác quản lý nhà nước và yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Trong đó, tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang, sớm đưa khu thực nghiệm công nghệ sinh học, khu nông nghiệp công nghệ cao đi vào hoạt động ổn định; hiện đại hóa hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

- Đẩy nhanh việc triển khai và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ thông tin tập trung hoặc hình thành phát triển Khu đô thị công nghệ số tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện. Quan tâm xây dựng chương trình trọng điểm phát triển các đô thị thông minh ở tỉnh An Giang.

- Thúc đẩy phát triển các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhất là khu vực ngoài Nhà nước, cung cấp môi trường thử nghiệm và thương mại hóa các ý tưởng khoa học. Xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành quy định khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số của Tỉnh, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số và không chồng lấn, trùng lặp với các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành đầu tư, triển khai sử dụng toàn quốc từ Trung ương đến các địa phương. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu.

- Hoàn thiện và phát huy hiệu quả của Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai các chính sách của Trung ương, nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù của địa phương để phát triển các ngành đào tạo, thu hút sinh viên, học sinh theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, ưu tiên thu hút chuyên gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chú trọng các lĩnh vực công nghệ cốt lõi, chiến lược (bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, robot, tự động hóa, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và công nghệ số...). Tăng cường kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh. Xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng từ sớm; quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên kết hợp với doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội thực hành, ứng dụng; tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức khu vực công, doanh nghiệp và người dân.

- Kịp thời triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực về nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Triển khai nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương nhằm nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Triển khai thực hiện các đề án, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong đó quan tâm, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; các chương trình đào tạo, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín trong và ngoài nước; hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập và đổi mới nội dung hoạt động đi vào thực chất và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước; phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù về thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Triển khai các hệ thống và nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường của Tỉnh. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Triển khai những chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện. Nghiên cứu, hình thành ít nhất 01 khu công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo thống nhất với Quy hoạch tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các địa phương, quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của Tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

2. Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tổ chức đảng, chính quyền tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến; đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức kiểm tra, giám sát và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo kịp thời, thiết thực, hiệu quả phù hợp với các quy định pháp luật và điều kiện thực tế của Tỉnh.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết 03/NQ-CP và Chương trình hành động này; chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; theo dõi, kịp thời phát hiện những bất cập và điều chỉnh kế hoạch, đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo thực

hiện có hiệu quả Chương trình hành động; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện; chỉ đạo biểu dương, khen thưởng kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của Tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hướng dẫn tuyên truyền, vận động trong hội viên, đoàn viên, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

7. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả kiểm tra, giám sát.

8. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Chương trình hành động này phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Chính sách, chiến lược TW (để báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương - Bộ phận phía Nam,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn,
- Các đơn vị cấp tỉnh,
- Các đồng chí tỉnh ủy viên,
- Các đồng chí Nguyễn Việt Hùng, Trần Việt Thành, Ngô Văn Út Nhỏ, Phạm Quý Trọng, Trần Hoàng Kiêm, Y Trung Niê K'Dăm, Chu Trần Trường,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lê Hồng Quang